

# THẬP NHẤT ĐIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Tôn này có tên Phạn là EKÀDA'SA MUKHA AVALOKITE'SVARA (琬乙叻在觜刀向吐丁包鄣先), dịch âm là Ế Ca Na Xà Mục Khư A Phộc Lộ Chỉ Đế Thấp Phộc La. Dịch nghĩa là Thập Nhất Điện Quán Tự Tại, Thập Nhất Điện Quán Thế Âm, Thập Nhất Điện Quán Âm. Cầu đảo Tôn này có thể trừ bệnh diệt tội.

\_ Theo truyền thống của Bà La Môn Giáo ở Ấn Độ thì Tôn này là Thập Nhất Hoang Thần (Ekàda'sa Rudra). Vào khoảng Thế Kỷ thứ 5, thứ 6 sau Công Nguyên thì Tôn này được du nhập vào Phật Giáo dưới hình thức là một Hóa Thân của Bồ Tát Quán Tự Tại

\_ Theo truyền thống của Phật Giáo Tây Tạng:

Ở vô lượng kiếp trước, với Tâm Đại Bi vô hạn, Quán Thế Âm Bồ Tát muốn cứu thoát tất cả chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử luân hồi, nên đối trước chư Phật 10 phương, Ngài phát nguyện rằng: ***"Nguyện cho con cứu được tất cả chúng Hữu Tình. Nếu có khi nào con mệt mỏi trong công việc lớn lao này thì nguyện cho thân con tan thành ngàn mảnh"***

Thoạt tiên Ngài xuống cõi Địa Ngục, sau đó đến cõi Nga Quỷ và tiến dần đến cõi Trời. Tại đây, Ngài nhìn xuống Thế Giới đau khổ với cái nhìn thấu hiểu của Thánh Trí thì Tâm Ngài bị xúc động sâu sắc. Vì mặc dù Ngài đã cứu nhiều chúng sinh thoát khỏi Địa Ngục nhưng vẫn còn có vô số chúng sinh khác đang sa vào. Điều này làm Ngài buồn rầu vô hạn. Trong một lúc, gần như Ngài đã mất niềm tin vào lời nguyện vĩ đại mà Ngài đã tuyên thệ và thân thể Ngài liền nổ tung thành ngàn mảnh. Giữa cơn tuyệt vọng, Ngài cầu cứu tất cả chư Phật. Ngay lập tức, hằng hà sa số chư Phật từ 10 phương đều hiện thân đến cứu giúp. Với Thần Lực nhiệm màu, chư Phật làm cho Ngài hiện trở lại toàn thân và từ đây Ngài có 11 cái đầu, 1000 cánh tay, trên mỗi bàn tay có một con mắt. Sự kiện này biểu thị cho sự phối hợp giữa Trí Tuệ và phương tiện thiện xảo, là dấu hiệu của Tâm Đại Bi chân thật. Trong hình thức này, Ngài đã sáng chói rực rỡ và có nhiều năng lực lớn hơn để cứu giúp chúng sinh. Do vậy Ngài còn có tên gọi là Thiên Thủ Thiên Nhãn Thập Nhất Điện Quán Thế Âm.

Trong truyền thống này thì Ngài có thân màu trắng. 11 mặt xếp thành 5 tầng :

3 mặt của tầng một có mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh lục, mặt bên trái màu đỏ

3 mặt của tầng thứ hai có mặt chính giữa màu xanh lục, mặt bên phải màu đỏ, mặt bên trái màu trắng

3 mặt của tầng thứ ba có mặt chính giữa màu đỏ, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lục. Tất cả khuôn mặt đều có mắt dài và nhỏ như đang mỉm cười

1 mặt của tầng thứ tư là khuôn mặt màu đen biểu lộ sự phẫn nộ, miệng lộ răng nanh, có 3 mắt và tóc màu cam dựng đứng

1 mặt của tầng thứ năm là khuôn mặt hiền hòa màu đỏ đội vương miện

2 tay đầu tiên chắp lại trước ngực cầm viên ngọc báu

Bên phải : Tay thứ hai cầm tràng hạt, tay thứ ba kết Diệu Thí Thắng Ấn, tay thứ tư cầm Pháp Luân

Bên trái : Tay thứ hai cầm hoa sen vàng, tay thứ ba cầm bình có chứa nước Cam Lộ, tay thứ tư cầm cung tên

992 tay còn lại đều mềm mại như những cánh sen kết Diệu Thí Thắng Ấn.

Trong mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, không một cánh tay nào vượt quá vương miện và cũng không buông thấp quá đầu gối

Ngực trái của Ngài được che bằng miếng da hươu. Trang phục bên dưới làm bằng lụa vải tốt, thắt lưng bằng vàng có nạm ngọc quý , vương miện cũng nạm ngọc quý và thân của Ngài được trang điểm bằng mọi loại báu như vòng , xuyên, anh lạc, lụa nhiều màu ... tỏa ánh hào quang sáng ngời



Do Tôn này biểu thị cho Pháp **Liên Hoa Kim Cương** (Padma Vajra) nhằm giúp cho Chúng Sinh phá tan phiền não chướng ngại ngăn che ánh sáng Thắng Diệu của Trí Tuệ bản nhiên thanh tịnh trong tâm của mình nên các bậc Đạo Sư Tây Tạng thường truyền dạy Pháp tu này và gọi Đại Chú của Ngài là **Đại Bi Chú**.

\_ Theo truyền thống Hoa Văn:

. ) **Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La** ghi nhận rằng:

Thập Nhất Diện Quán Âm có vị trí ở đầu bên phải của Viện Tô Tất Địa , Mặt Hiệu là Biến Dị Kim Cương .

Chủng Tử là KA (一) là chữ lược của Kàruṇika ( Bậc có tâm Bi ) biểu thị cho Tác Nghiệp, dùng phương tiện Đại Bi tế độ chúng sinh, tạo tác nghiệp lành thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian . Tam Muội Gia Hình là Bình Quân Trì

Hay chủng tử là SA (𑖰𑖩) biểu thị cho sự khai mở Tâm Bồ Đề vốn có của tất cả chúng sinh. Tam Muội Gia Hình là hoa sen hé nở

Trong Viện này thì Ngài có thân màu trắng với 11 đầu chia làm 3 tầng : Tầng một có 3 mặt. Tầng hai có 5 mặt, tầng ba có 3 mặt. Thân ngồi Bán Già trên đài sen có 4 tay, bên phải : Tay thứ nhất kết Thí Vô Úy Ấn, tay thứ hai cầm tràng hạt. Bên trái : Tay thứ nhất cầm hoa sen hé nở, tay thứ hai cầm bình Quân Trì .



. ) **Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh** ghi nhận rằng :

Tôn Tượng có 11 mặt , 4 tay. Bên phải : Tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai kết Thí Vô Úy Ấn. Bên trái : Tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.

11 mặt gồm có : 3 mặt ngay phía trước có tướng tịch tĩnh ( hay từ bi ), 3 mặt bên trái có tướng uy nộ, 3 mặt bên phải có tướng lộ răng nanh bén, 1 mặt phía sau có tướng cười giận, 1 mặt bên trên có tướng Như Lai ( 1 Hóa Phật của A Di Đà Phật )

Trong mào trên mỗi đầu đều có vị Hóa Phật. Thân tượng có mọi loại anh lạc trang nghiêm

. ) **Đà La Ni Tập Kinh**, một vài Kinh do Ngài Huyền Trang dịch và hình tượng lưu bố trong nhân gian thì Thập Nhất Diện Quán Thế Âm có 11 mặt và 2 tay với tay bên phải cầm Pháp Khí ( hoặc cầm bình Quân Trì với hoa sen ) , tay bên trái cầm tích trượng ( hoặc đeo tràng hạt và kết Dữ Nguyện Ấn )



. ) Một số Đạo Sư Mật Giáo lại nhận định rằng : Thập Nhất Diện Quán Âm là vị Hóa Tôn của Tu La Đạo, có biệt danh là Đại Quang Phổ Chiếu Quán Thế Âm và Mật Hiệu là Từ Mẫn Kim Cương ( hoặc Từ Oán Kim Cương )

## Ý NGHĨA CỦA 11 MẶT

Ý nghĩa của 11 mặt được nhận định theo nhiều cách khác nhau

\_ **Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh Nghĩa Sơ** ghi là :

3 mặt phía trước có tướng hiền lành (Từ) biểu thị cho việc nhìn thấy chúng sinh hiền thiện mà sinh tâm Từ. Đại Từ là ban vui

3 mặt bên trái có tướng giận dữ biểu thị cho sự nhìn thấy chúng sinh ác mà sinh tâm Bi . Đại Bi là cứu khổ

3 mặt bên phải có tướng lông nanh trắng biểu thị cho sự nhìn thấy kẻ có Tịnh Nghiệp liền phát lời khen **Hiếm có** , siêng năng tinh tiến trong Phật Đạo

1 mặt phía sau có tướng Bạo Đại Tiếu biểu thị cho sự nhìn thấy chúng sinh có Thiện Ác Tạp Uế mà sinh nụ cười quái dị, sửa ác hướng theo Đạo

1 mặt bên trên có tướng Như Lai biểu thị cho sự mãn túc Nguyện.

\_ **Tiên Phòng** ghi nhận là :

11 mặt là 10 Địa và Phật Quả, mỗi một thứ đều có 1 mặt.

10 Địa là viên mãn 10 Ba La Mật.

\_ **Dã Quyết** ghi nhận là :

11 mặt là 11 Địa ( Hoan Hỷ Địa, Ly Cấu Địa, Phát Quang Địa , Diệu Tuệ Địa, Nan Thắng Địa, Hiện Tiên Địa, Viễn Hành Địa, Bất Động Địa, Thiện Tuệ Địa, Pháp Vân Địa, Phật Địa ) biểu thị cho 11 phẩm Vô Minh, lại thêm mặt gốc biểu thị cho 12 phẩm Vô Minh. Hoặc nói là : Độ 12 nhân Duyên

3 mặt phía trước có tướng Tịch Tĩnh biểu thị cho nghĩa: xưa nay vốn tịch lặng của Đông Phương Bất Động Phật

3 mặt bên trái có tướng phần nộ biểu thị cho nghĩa : giáng phục của Nam Phương Bình Đẳng Tính Trí

3 mặt bên phải có tướng lộ nanh bén biểu thị cho nghĩa : nói Pháp của Tây Phương Diệu Quán Sát Trí

1 mặt phía sau có tướng cười giận biểu thị cho Bắc Phương Sự Nghiệp Trí

1 mặt trên cùng có tướng Phật biểu thị cho Bất Nhị Pháp Giới Thể Tính Trí

\_ **Khẩu Quyết** ghi nhận là :

3 mặt phía trước có tướng Đại Từ biểu thị cho 3 vị Phật là : Thích Ca Thế Giới Năng Tịch Như Lai, An Lạc Thế Giới Vô Ngại Quang Như Lai, Cà Sa Tràng Thế Giới Kim Cương Kiên Cố Hoan Hỷ Như Lai

3 mặt bên trái có tướng Đại Bi biểu thị cho 3 vị Phật là : Bất Thoái Chuyển Âm Thế Giới Cực Diệu Viên Mãn Hồng Liên Hoa Sở Thân Như Lai, Tuyệt Trần Thế Giới Pháp Tràng Như Lai, Minh Đăng Thế Giới Sư Tử Như Lai

3 mặt bên phải có tướng lộ nanh trắng biểu thị cho 3 vị Phật là : Trang Nghiêm Thế Giới Nhất Thiết Phật Thông Tuệ Quang Vương Như Lai, Kịch Luân Thế Giới Minh Giác Như Lai, Phổ Hiền Thế Giới Hiền Thủ Như Lai

1 mặt phía sau có tướng Bạo Tiểu biểu thị cho 1 vị Phật là : Nan Siêu Thế Giới Thân Phóng Pháp Quang Như Lai

1 mặt Phật trên đỉnh biểu thị cho 1 vị Phật là : Diệu Quang Thế Giới Biến Chiếu Như Lai

## CHÂN NGÔN CỦA THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI

Chân Ngôn của Thập Nhất Diện Quán Tự Tại có 2 loại là Đại Chú và Tiểu Chú .  
Tùy theo sự truyền thừa mà có nhiều sự ghi nhận khác nhau.

### \_ ĐẠİ CHỨ :

. ) Đức Dalai Lama đời thứ 7 ghi nhận là :

NAMO RATNATRÀYÀYA  
NAMAḤ ÀRYA JÑÀNA SÀGARA VAİROCHANA VYÙHA RÀJÀYA  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA  
NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYAḤ ARHATEBHEYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ  
NAMAḤ ÀRYA AVALOKİTESHVARÀYA BODHİSATTVÀYA  
MAHÀSATTVÀYA MAHÀKÀRUNİKÀYA  
TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA , DHİRİ DHİRİ , DHURU DHURU , İTTI  
VATTI , CHALE CHALE , PRACHALE PRACHALE , KUSUME KUSUMA VARE ,  
İLİ MILI, JITI JVALAM ÀPANÀYA ( Bản khác ghi là : CITI JVALAM APANAYE )  
\_ SVÀHÀ

. ) Đức Phật Sống Tây Khang NẶC NA ghi nhận là :

NAMO RATNATRÀYÀYA  
NAMO BHAGAVATE MAHÀ KÀRUNİKÀYA VAJRASÀRA  
PRAMARBHAṆI TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA  
TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHİRİ DHİRİ, DHURU DHURU, İNTE  
VANTE , CALE CALE, PRACALE PRACALE, SARVA KLE'SA , SARVA KARMA,  
ÀVARAṆANI, 'SUDDHE 'SUDDHE, VI'SUDDHE VI'SUDDHE , GAGANA  
SVABHÀVA VI'SUDDHE \_ SVÀHÀ

. ) Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Mật Ngôn Niệm Tụng Nghi Quỹ  
Kinh, Quyển Thượng ghi nhận là :

NAMO RATNATRÀYÀYA  
NAMAḤ ÀRYA JÑÀNA SÀGRA VAİROCANA BHYÙHA RÀJAYA  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA  
NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHİYU ARHATEBHYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ  
NAMAḤ ÀRYA AVALOKİTE'SVARÀYA BODHİSATTVÀYA  
MAHÀSATTVÀYA MAHÀKÀRUNİKÀYA

TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, ITE VATE, 'SALE 'SALE, PRA'SALE PRA'SALA, KUSUME KUSUMA VALE, IRI, VIRI, CIRI CIRI, TIJARAM APANAYA PARAMA'SUDDHASATVA, MAHÀKARUNIKA \_ SVÀHÀ

. ) Phật Thuyết Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Kinh ghi nhận là :

NAMO BUDDHÀYA  
NAMO DHARMÀYA  
NAMO SAÑGHÀYA  
NAMO JÑÀNA SÀGARA VAIROCANÀYA TATHÀGATÀYA  
NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA  
MAHÀSATVÀYA MAHÀKÀRUNIKÀYA

TADYATHÀ : OM , DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, ITI VATI, CALE CALE, PRACALE PRACALE, KUSUME KUSUMA VALE , IRI MIRI CIRI CITI JVALAM ÀPANÀYA, BODHISATVA MAHÀKÀRUNIKA \_ SVÀHÀ

. ) Thập Nhất Diện Thần Chú Kinh ghi nhận là :

Kính lễ Tam Bảo  
Kính lễ Thánh Trí Hải Biển Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai  
Kính lễ tất cả Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác  
Kính lễ Bạc có tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát  
TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, ITI VATI, CALE CALE, PRACALE PRACALE , KUSUME KUSUMA VARE, IRI , MIRI, CIRI CIRI, TIJARAM ÀPANÀYA, 'SUDDHASATVA MAHÀKÀRUNIKA \_ SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 26 ghi nhận Đại Chú là :

TADYATHÀ : OM \_ DARA DARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, ITE VATE, 'SALE 'SALE, PRA'SALE PRA'SALE. KUSUME KUSUMA VALE, IRI , VIRI, CIRI CIRI, TIJARAM APANAYA , PARI'SUTHÀSATVA , MAHÀKARUNIGHA \_ SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 142 ghi nhận Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Mật Ngôn là :

NAMO RATNATRAYÀYA  
NAMAḤ ÀRYA JÑÀNA SÀGRA VAIROCANA BHYUA RÀJAYA  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA  
NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYO ARHATEBHYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA  
MAHÀSATVÀYA MAHÀKARUṆIKÀYA

TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, BURU BURU, ITE  
VATE, 'SALE 'SALE, PRA'SALE PRA'SALE, KUSUME KUSUMA VALE, IRI,  
MIRI, CIRI CIRI, TIJARAM APANAYA , PARAMA'SUDDHASVATVA,  
MAHÀKÀRUṆIKA , SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 186 ghi nhận là :

( Quy mệnh như trên )

OM \_ DARA DARA, DHIRI DHIRI, DHURÙ DHURÙ , ITE VATE, 'SALE  
'SALE, PRA'SALE PRA'SALE, KUSUME KUSUMA VALE, IRI, VIRI, CIRI CIRI,  
JARAM APANAYA, RAMA 'SUDDHASADVA, MAHÀKARUṆIGHA \_ SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 4 , trang 430 ghi nhận là :

( Quy mệnh như trên )

OM \_ DARA DARA, DHIRI DHIRI, DHÙRÙ DHÙRU, ITE VATE, 'SALA  
'SALE, PRA'SALE PRA'SALE, KUSUME KUSUMA VALE, IRI, MIRI, CIRI CIRI,  
TIJARAM APANAYA, PARA'SUDDHA , MAHÀKARUNIGHA \_ SVÀHÀ

\_ TIỂU CHÚ :

. ) Đồ Tượng Quyển 3 , trang 26 ghi nhận Tiểu Chú là :

OM \_ MAHÀ KARUṆIGHA ( ? MAHÀ KÀRUṆIKA : Bậc có Tâm Đại Bi ) \_  
SVÀHÀ

Thế Gian lưu hành Tiểu Chú là :

OM \_ RUHE'SVARA ( Thế lực tự tại ) \_ SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 119 ghi nhận Tiểu Chú là :

OM ( Quy mệnh ) \_ RUHE JVALA ( Uy Thế Quang Diễm ) HRÌḤ ( Chủng tử của  
Liên Hoa Bộ ) \_ SVÀHÀ ( Quyết định thành tựu )

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 186 ghi nhận Tiểu Chú là :

OM \_ MAHÀ KARUṆIGHA \_ SVÀHÀ

Thế Gian lưu hành Tiểu Chú là :

OM \_ RUHE'SVARA ( Thế Lực Tự Tại ) HRÌḤ

. ) Đồ Tượng Quyển 4, trang 430 ghi nhận Tiểu Chú là :

OM \_ ROKA'SVARA HRÌḤ \_ SVÀHÀ



. ) Phật Quang Đại Từ Điển Quyển 1, trang 324 ghi nhận Tiểu Chú là :

**Ān, lố kế nhập phộc la, hột-li**

OM \_ LOKE'SVARA ( Thế Tự Tại , Tự tại trong Thế Gian ) HRĪḤ

Qua sự tìm hiểu trên, dựa vào nghĩa lý căn bản của Chân Ngôn, chúng ta có thể phục hồi được 3 bài Đại Chú và 2 bài Tiểu chú như sau:

**\_ Đại Chú 1 :**

巧伏 先寒氛仲伏

NAMO RATNATRAYÀYA ( Quy Mệnh Tam Bảo )

巧休 玅搏鄙巧 州奇 因刎弋巧 育成全仄伏 凹卡丫出仲照包 屹谷溟后盍伏

NAMAḤ ÀRYA JÑANA SÀGARA VAIROCANA VYÙHA RÀJÀYA  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA (Kính lễ Thánh Trí Hải Biển  
Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

巧休 屹楠凹卡丫包言挑照包言 屹谷溟后眨言

NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYAḤ ARHATEBHYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ (Kính lễ tất cả Như Lai Đẳng, Ứng Cúng Đẳng, Chính  
Đẳng Chính Giác Đẳng)

巧休 玅搜向匠丁包郟全伏 回囚屹班伏 互扣屹班伏 互扣乙冰仗乙伏

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA  
MAHÀSATVÀYA MAHÀKÀRUṆIKÀYA (Kính lễ Bạc có Tâm Đại Bi là Thánh Quán  
Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát )

凹淦卡 駭 叻先掙 囚共掙 鉞冰掙 秘凸 向凸 弋同掙 盲弋同掙

乃鉏伙 乃鉏互 向同 秘印 亦印 元凸 詞匡交扔左伏 送扣

TADYATHÀ ( Như vậy ) OM ( Cảnh giác ) DHARA DHARA ( Gia trì cho ta và  
người ) DHIRI DHIRI ( Người gia trì không kể nam nữ ) DHURU DHURU ( Lóa sáng )  
ITI VATI ( Năng lực tự nhiên : Hư không, gió, mặt trời, mặt trăng... như vậy ) CALE  
CALE ( Lay động ) PRACALE PRACALE ( Lay động khắp ) KUSUME KUSUMA BALE  
( Sức lực của bông hoa bên trong bông hoa ) ILI ( Che chở ủng hộ ) MILI ( Ngăn cản, chặn  
đứng ) JITI JVALAM ( Thâu nhiếp ánh sáng ) ÀPANÀYA ( Xuất Tức Quán, Quán hơi thở  
ra vào ) SVÀHÀ ( Quyết định thành tựu )

**\_ Đại Chú 2**

巧伏 先寒氛仲伏

NAMO RATNATRAYÀYA

巧休 玅搏鄙巧 州奇 因刎弋巧 育成全仄伏 凹卡丫出仲照包 屹谷溟后盍伏

NAMAḤ ÀRYA JÑANA SÀGARA VAIROCANA VYÙHA RÀJÀYA  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

巧休 屹楠凹卡丫包言挑照包言 屹谷溟后眨言

NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYAḤ ARHATEBHYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ

巧休 妙搜向匠丁包廓全伏 回囚屹班伏 互扣屹班伏 互扣乙冰仗乙伏

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA  
MAHÀSATVÀYA MAHÀKÀRUṆIKÀYA

凹淦卡 駘 叻先掙 囚共掙 鉞冰掙 秘凸 向凸 弋同掙 盲弋同掙  
乃鉏伙 乃鉏互 向同 才凸 詞匡交扔左伏 秘共 亦共 才共 扔先互圩益屹玆  
互扣乙冰仗一 送扣

TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU. ITI  
VATI , CALE CALE , PRACALE PRACALE , KUSUME KUSUMA BALE , CITI  
JVALAM (Hiểu biết lưu ý đến ánh sáng) ÀPANÀYA (Theo hơi thở ra vào) IRI (Che chở  
triệt để) MIRI (Ngăn cản chặn đứng) CIRI (Sự gây thương tích, giết chết)  
PARAMA'SUDDHASATVA MAHÀKÀRUṆIKA SVÀHÀ (Quyết định thành tựu Bạc  
Chí Thượng Thanh Tịnh Hữu Tình có đầy đủ Tâm Đại Bi )

### \_ Đại Chú 3:

巧伏 先寒氛仲伏

NAMO RATNATRAYÀYA ( Quy mệnh Tam Bảo )

巧伏 矛丫向包 互扣乙冰仗一 向忝州先 扔先互飲市 凹卡丫出仲照包  
屹谷溟后盍伏

NAMO BHAGAVATE MAHÀKÀRUṆIKA VAJRASÀRA PARAMARTHANI  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA ( Quy mệnh Đức Thế Tôn  
Đại Bi Kiên Cố Tối Thắng Nghĩa Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác )

凹淦卡 駘 叻先掙 囚共掙 鉞冰掙 秘凸 向凸 弋同掙 盲弋同掙  
屹楠姦在 屹楠一獲 挑向先仕市 圩眨掙 合圩眨掙 丫丫巧 辱矢向 合圩眨 送扣

TADYATHÀ ( Như vậy ) OM (Cảnh giác) DHARA DHARA (Gia trì cho ta và  
người) DHIRI DHIRI (Người trì Chú không kể nam nữ) DHURU DHURU (Lóa sáng, tỏa  
sáng ) ITI VATI ( Năng lực thiên nhiên như vậy ) CALE LALE (Lay động) PRACALE  
PRACALE (Lay động khắp) SARVA KLE'SA (Tất cả phiền não) SARVA KARMA  
AVARAṆANI (Tất cả chướng ngại của nghiệp) 'SUDDHE 'SUDDHE (Tinh lọc, thanh  
tịnh) VI'SUDDHE VI'SUDDHE (Khiến cho thanh tịnh, tinh lọc hoàn toàn) GAGANA

SVABHÀVA VI'SUDDHE (Thanh tịnh như tự tính của hư không) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

\_ **Tiểu Chú 1 :**

𑖀 互扣乙冰仗一 送扣

OM ( Quy mệnh ) MAHÀ KÀRUNIKA (Bậc có Tâm Đại Bi) SVÀHÀ (Thành tựu cát tường)

\_ **Tiểu Chú 2 :**

𑖀 吐了郎先 猿 送扣

OM (Quy mệnh) LOKE'SVARA (Đấng Thế Tự Tại) HRÌH (Chứng tử Thanh Tịnh của Liên Hoa Bộ) SVÀHÀ (Thành tựu tốt lành)

Ngoài ra để tăng cường cho lực gia trì của Chân Ngôn , các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã truyền dạy thêm các bài tán Quy Mệnh là :

\_ **Giác Thiên Sao** ghi nhận **Thập Nhất Diện Quán Âm Hồi Quá Tán** là :

Nam mô Đương Tiền tam diện Từ Bi Tướng

Nam Mô Tiền tam Từ Diện Cầu Như Ý

Nam mô Tiền Tam Bi Diện Trừ Quỷ Tật

Nam mô Tả biên tam diện Sân Nộ Tướng

Nam mô Tả tam diện Giáng Oán Tặc

Nam mô Hữu biên tam diện Bạch Nha Tướng

Nam mô đương hậu nhất diện Bạo Tiếu Tướng

Nam mô Đỉnh thượng nhất diện Như Lai Tướng

Nam mô đỉnh thượng Phật Diện trừ tật bệnh

Nam mô tối thượng Phật Diện nguyện mãn túc

\_ **Phòng Sao** ghi nhận là :

Nam mô Tả biên hậu diện tối Ma Đạo

Nam mô trung diện ly khổ nạn

Nam mô tiền diện trừ Quỷ tật

Nam mô Hữu biên tiền diện cầu Như Ý

Nam mô trung diện Cửu Nộ ( Giận dữ lâu dài )

Nam mô hậu diện trừ chướng nạn

Nam mô Kiếp Độ Tiền

Nam mô Tả biên hữu diện trừ Quỷ Thân

Nam mô trung diện Điều Phong Vũ

Nam mô Tả diện tăng thọ mệnh  
Nam mô Hậu biên nhất diện thành ngũ cốc  
Nam mô đỉnh thượng nhất diện phá Ma Quân

Mùa Đông năm Bính Tuất (2006)  
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi